

BÁO CÁO

Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2018

Thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của qChính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính về việc lập báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2018 như sau:

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT
XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

Trên cơ sở quy định tại Điều 17 Luật xử lý vi phạm hành chính về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 15/01/2018 về quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Theo đó, các sở, ban ngành tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại kế hoạch này.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính ở địa phương mình quản lý. Qua tổng hợp có 09/09 Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch và tổ chức việc triển khai thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

Ngoài ra, trong năm 2018 Ủy ban nhân dân tỉnh còn ban hành các văn bản để chỉ đạo cũng như đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm

hành chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh¹. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh còn ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh². Trong đó sửa đổi nội dung phối hợp xử lý hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp hành vi vi phạm vượt thẩm quyền, xử phạt của người có thẩm quyền lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 38 và Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Việc góp ý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính được địa phương nghiêm túc thực hiện.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính

3.1. Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tư pháp, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục. Nội dung tuyên truyền, phổ biến là các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Đối tượng tuyên truyền là cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt tập trung chủ yếu vào các đối tượng là người dân ở các xã vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; người khuyết tật; người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn...

Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cụ thể:

- Tổ chức tuyên truyền trực tiếp được 672 cuộc với 33.640 lượt người tham dự.
- Biên soạn, in ấn 291.560 tờ gấp Hỏi - đáp pháp luật, 6.380 quyển sổ tay Hỏi - đáp pháp luật, phát đến tận cơ sở để tuyên truyền pháp luật rộng rãi ra nhân dân.
- Báo Tây Ninh và Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh tiếp tục tăng cường phối kết hợp với các ngành như Tư pháp, Công an, Văn hóa, Điện lực, Bảo hiểm xã hội, Hội Luật gia, Nông nghiệp và phát triển nông thôn... tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn xã hội; trật tự an toàn giao thông; phòng, chống bạo lực gia đình; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; chế độ, chính sách của ngành Bảo hiểm xã hội, nông thôn mới... Chuyên mục “Pháp luật với đời sống” thực hiện được 01 kỳ/ tháng với thời lượng 15 phút/ 01 chuyên mục; chương trình “Tiếng nói cử tri” thực

¹ Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018

² Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 07/11/2018

hiện 04 kỳ/ tháng với thời lượng 15 phút/ 01 chuyên mục phát trên Đài Phát thanh – Truyền hình.

- Công an tỉnh xây dựng 01 chuyên trang Vì an ninh Tổ quốc trên Báo Tây Ninh, 01 chuyên mục An ninh trật tự trên sóng Đài Phát thanh – Truyền hình.

- Các Đài Truyền thanh huyện, thành phố và Trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn tăng cường thông tin các văn bản pháp luật mới được ban hành và tuyên truyền các tài liệu hỏi – đáp pháp luật cho cán bộ và nhân dân ở địa phương được 1.850 giờ phát sóng.

- Đăng tin bài viết, văn bản pháp luật về quản lý xử lý vi phạm hành chính trên trang thông tin “Theo dõi tình hình thi hành pháp luật tỉnh Tây Ninh” được 07 tin, bài.

Ngoài ra, một số sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện còn chủ động tổ chức tuyên truyền lĩnh vực ngành mình quản lý, cụ thể:

- Công an tỉnh Tây Ninh cấp 155 cuốn sách “Bình luận quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt”; tuyên truyền bằng xe loa lưu động được 122 cuộc với 6.319 phút.

- Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu cấp trên 250 bộ đề cương giới thiệu pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật và đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL cấp huyện, cấp xã làm tài liệu tuyên truyền PBGDPL tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đài truyền thanh huyện Tân Châu duy trì và thực hiện tốt chuyên mục trật tự ATGT được 25 kỳ với tổng thời lượng 19.6 giờ. Ngoài ra, Huyện Đoàn phối hợp Công an huyện Tân Châu thực hiện mô hình tuyên truyền pháp luật tại các quán cà phê trên địa bàn huyện được 6 cuộc có 588 người tham dự, mô hình này bước đầu đã tạo được sự đồng thuận và tham gia của nhiều người dân.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành lồng ghép nội dung về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp, đại lý kinh doanh vật tư nông nghiệp (14 lớp với 932 lượt người tham dự); tuyên truyền cho người dân khai thác thủy sản ở các xã ven hồ Dầu Tiếng, sông Vàm Cỏ Đông (16 lớp với 804 lượt người tham dự). Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức được nhiều lớp tập huấn về xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm cho cán bộ công chức phụ trách lĩnh vực.

- Cục Hải quan tổ chức 02 hội nghị đối thoại “Cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan Hải quan là đối tác tin cậy và đồng hành cùng phát triển năm 2018” để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

3.2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức tập huấn công tác thi hành pháp luật năm 2018 cho hơn 50 cán bộ công chức là lãnh đạo và cán bộ làm công tác thi hành pháp

luật xử lý vi phạm hành chính của các sở ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân và Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.

Nội dung tập huấn chủ yếu: Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Một số vấn đề cơ bản về thẩm quyền - vị trí, vai trò, trách nhiệm của các chức danh có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính; Kỹ năng xác định hành vi hành chính và lập biên bản vi phạm hành chính và kỹ năng soạn thảo biên bản vi phạm hành chính; Kỹ năng xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, kỹ năng soạn thảo ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Kỹ năng xây dựng báo cáo trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Các văn bản pháp luật liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Tại UBND các huyện (Châu Thành, Tân Biên) cũng đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và các văn bản có liên quan được 02 cuộc với 298 người dự.

- Sở Xây dựng tổ chức 01 hội nghị triển khai Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

4. Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là một nhiệm vụ quan trọng. Trên cơ sở kết quả kiểm tra cơ quan có thẩm quyền đánh giá được tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình quản lý để từ đó có những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra³ và tiến hành kiểm tra công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực tư pháp (hành chính tư pháp) tại 04 huyện: Tân Biên, Tân Châu, Bến Cầu, Gò Dầu. Qua kiểm tra cho thấy các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực tư pháp được lập theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Các hồ sơ xử phạt được thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, phạm vi áp dụng xử phạt, trình tự, thủ tục xử phạt. Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện nghiêm chỉnh, không có trường hợp khiếu nại, khởi kiện.

Đối với công tác kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thì trong năm 2018 có:

- Huyện Dương Minh Châu đã chỉ đạo các đơn vị kịp thời thanh tra, kiểm tra các cơ sở, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, cụ thể:

³ Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2018.

+ Tổ chức thanh tra 01 cuộc lĩnh vực hành nghề Y-dược tư nhân với 08 cơ sở Nha khoa, kết quả có 07 cơ sở không có giấy phép hoạt động và chứng chỉ hành nghề, Đoàn thanh tra lập biên bản nhắc nhở và yêu cầu tạm ngừng hoạt động.

+ Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm 04 cuộc với 593 cơ sở kinh doanh, sản xuất, chế biến thực phẩm, cơ sở nấu rượu, dịch vụ ăn uống, phát hiện 04/593 cơ sở vi phạm, đã tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành 11 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền phạt thu được 9.400.000 đồng.

+ Kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, karaoke, internet, nhà nghỉ, cà phê giải khát...trên địa bàn huyện được 111 cuộc với 354 lượt cơ sở, qua kiểm tra nhắc nhở 62 cơ sở kinh doanh không đúng quy định của pháp luật về ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, không có cơ sở vi phạm hành chính.

+ Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về XLVPHC năm 2018 theo quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 08/6/2018. Qua kiểm tra tại 04 xã, có 66 trường hợp ra quyết định XPVPHC (cảnh cáo: 64, phạt tiền: 02), hầu hết các xã thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đúng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu đã thành lập Đoàn kiểm tra thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính và tiến hành kiểm tra thực tế tại UBND các xã trên địa bàn. Qua kiểm tra toàn huyện có 09 trường hợp đăng ký hộ tịch trái quy định pháp luật. Đoàn kiểm tra đã kịp thời nhắc nhở, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn khắc phục những sai sót trong quá trình thực hiện.

5. Xây dựng, kiện toàn bộ máy, biên chế, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Về tổ chức bộ máy, biên chế

- *Đối với các Sở, ngành:* Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chủ yếu do bộ phận thanh tra, văn phòng Sở đảm nhiệm; cán bộ công chức làm công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đa số là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi nên việc tham mưu lãnh đạo các sở, ngành tỉnh về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn lúng túng. Đối với đội ngũ làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại các sở, ngành tỉnh cũng còn thiếu so với lượng công việc được giao.

- *Đối với Phòng Tư pháp các huyện, thành phố:* Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại các huyện, thành phố do Phòng tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay khối lượng công việc của Phòng Tư pháp quá nhiều, số lượng biên chế quá ít nên công chức phòng Tư pháp phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nên hiệu quả công tác chưa cao.

b) Về các điều kiện khác bảo đảm thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính

Các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị... là những yếu tố quan trọng trong việc triển khai nhiệm vụ đạt hiệu quả. Trên cơ sở quy định của Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 20/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết về nội dung chi, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

II. TÌNH HÌNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Tình hình vi phạm hành chính

Qua theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh cho thấy công tác xử lý vi phạm hành chính đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cơ quan, ban ngành và địa phương. Công tác phối hợp liên ngành dần được quan tâm thực hiện và bước đầu có kết quả tốt, cụ thể như phối hợp kiểm tra liên ngành. Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành đa số đều đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định. Nội dung các quyết định phù hợp với quy định pháp luật, ít bị khiếu nại. Điều này được thể hiện qua kết quả tổng hợp tình hình xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên thì công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính thời gian tại các huyện, thành phố qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như:

- Việc tổ chức triển khai các văn bản liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính tại một số địa phương còn chưa kịp thời.

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật chưa thường xuyên, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; việc tuyên truyền chưa thực sự sâu rộng trong nhân dân, hình thức phổ biến chưa đa dạng, chưa có nhiều hình thức tuyên truyền đối với từng đối tượng riêng biệt.

- Công tác xử lý vi phạm hành chính vẫn còn một số lỗi sai sót về trình tự thủ tục như: ghi chép các biểu mẫu xử phạt chưa đúng qui định, viện dẫn văn bản làm căn cứ để xử phạt chưa chính xác.

2. Kết quả công tác xử phạt vi phạm hành chính

a) Số vụ việc vi phạm và số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

- Số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính: 18.119 đối tượng. Trong đó: Tổ chức: 223 đối tượng; cá nhân: 17.896 đối tượng (*Xin xem chi tiết tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo báo cáo*).

- Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Hình thức xử phạt chủ yếu là phạt tiền với 15.904 quyết định và tịch thu tang vật, phương tiện với 216 quyết định; hình thức ít được áp dụng nhất là đình chỉ hoạt động có thời hạn với 10 quyết định (*Xin xem chi tiết tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo báo cáo*)

+ Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng nhiều nhất là **nộp lại khoản thu bất hợp pháp hoặc số tiền bằng giá trị tang vật phương tiện đã bị tiêu thụ tẩu tán, tiêu hủy với 37 quyết định**. Ngoài ra, địa phương còn áp dụng một số **biện pháp khắc phục hậu quả khác** được quy định riêng trong từng nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực riêng biệt với 64 quyết định (*Xin xem chi tiết tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo báo cáo*).

- Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng phổ biến là **tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề** với 114 trường hợp. Ngoài ra, đối với những trường hợp chờ có quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính địa phương dùng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính là **giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng** với 50 trường hợp (*Xin xem chi tiết tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo báo cáo*).

- Các loại vi phạm phổ biến là trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đất đai, môi trường, xây dựng, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự, kinh doanh thương mại Nguyên nhân chính của tình hình vi phạm lĩnh vực giao thông, an ninh trật tự: do ý thức của tổ chức, cá nhân về chấp hành pháp luật chưa cao, các đối tượng không có việc làm ổn định, thường xuyên tụ tập ăn chơi, không có sự quản lý giáo dục của gia đình, địa phương dẫn đến hành vi vi phạm hành chính.

b) Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số tiền phạt thu được: 30.419.586.413 đồng;

- Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu: 3.153.832.950 đồng;

- Số giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng có thời hạn: 106 giấy phép;

- Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn: 10 vụ;

- Tổng số quyết định xử phạt: 51.847 quyết định;

- Số lượng quyết định xử phạt chưa được thi hành: 1.790 quyết định;

- Số lượng quyết định hoãn, giảm, miễn thi hành phạt tiền: 3 quyết định;

- Số vụ bị cưỡng chế thi hành: 4 quyết định;

- Số vụ bị khiếu nại, khởi kiện: 1 quyết định.

c) Một số vấn đề khác

- Số lượng đối tượng vi phạm là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính: 149 đối tượng.

- Số lượng hồ sơ có dấu hiệu tội phạm được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự: 75 đối tượng.

3. Những khó khăn, vướng mắc

3.1. Đối với Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Khoản 1 Điều 56 Luật XLPVHC quy định trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng với cá nhân và 500.000 đồng đối với tổ chức thì không lập biên bản vi phạm hành chính. Tuy nhiên, ở cấp xã, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND (được giao quyền) có thẩm quyền xử phạt thường không có điều kiện tự mình đi kiểm tra mà giao cho công chức xã, phường thực hiện. Do đó, khi phát hiện hành vi vi phạm được áp dụng mức phạt này, nếu không lập biên bản vi phạm thì khó có căn cứ để Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định xử phạt.

- Tại Khoản 1 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định “*Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt trước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.*”

Theo quy định trên, địa phương gặp một số khó khăn trong quá trình áp dụng như:

+ Hình thức xử phạt “*tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn*” được quy định tại khoản 1 Điều 61 không quy định rõ là hình thức xử phạt chính hay hình phạt bổ sung. Do đó, tạo nên sự không thống nhất trong việc áp dụng quy định pháp luật. Vì trong nhiều trường hợp, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng quy định trên cho cả hình thức phạt chính và hình thức phạt bổ sung.

+ Hình thức xử phạt “*áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức*” được quy định tại khoản 1 Điều 61 có hai cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng khác nhau, cụ thể:

Cách 1: Đối tượng vi phạm phải bị áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt. Và mức phạt phải từ 30 triệu trở lên thì mới được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 61.

Cách 2: Đối tượng vi phạm có hành vi vi phạm thuộc khung phạt tiền tối đa 30 triệu trở lên thì được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 61. Ví dụ tổ chức có hành vi không duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ theo quy định (khoản 2 Điều 19 Nghị định 119/2017/NĐ-CP) thì có khung hình phạt từ 15 triệu đến 30 triệu. Do không có tình tiết giảm nhẹ hay tăng nặng nên tổ chức sẽ bị phạt 22,5 triệu. Vậy trong trường hợp này tổ chức đó có quyền được giải trình.

+ Ngoài ra, pháp luật không có quy định hình thức cũng như nội dung cần giải trình nêu mỗi đối tượng vi phạm lại giải trình bằng nhiều loại văn bản khác nhau gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét, giải quyết hồ sơ.

- Tại Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính “*Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có*

nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.”

Theo quy định trên thì khi tổ chức, cá nhân có đơn giải trình thì thời hạn ra quyết định xử phạt đương nhiên là 30 ngày, không cần lập biên bản gia hạn.

- Khoản 9 Điều 125 Luật XLPVHC quy định biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải có chữ ký của người ra quyết định tạm giữ. Quy định này không phù hợp với thực tiễn vì biên bản tạm giữ phải lập ngay trong cuộc kiểm tra và phải giao ngay cho đối tượng có tang vật, phương tiện bị tạm giữ trong khi người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ ít có điều kiện tham gia trực tiếp cùng đoàn kiểm tra xử phạt.

- Tại Khoản 11 Điều 5 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, quy định “*tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng (trong trường hợp có Giấy phép lái xe) hoặc phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng (trong trường hợp không có Giấy phép lái xe hoặc có nhưng đang bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe) đối với người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy”*.

3.2. Đối với văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

*** *Đối với Nghị định số 103/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2017/NĐ-CP)***

- Điểm b, Khoản 2, Điều 14 quy định phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính “sử dụng lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định của pháp luật để khai thác thủy sản”. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật chưa có quy định đầy đủ về kích thước mắt lưới cho nghề khai thác thủy sản. Do đó, địa phương không thể áp dụng quy định trên để xử phạt đối tượng vi phạm.

- Khoản 3, Điều 14 quy định phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các loại ngư cụ hoặc thiết bị khai thác thủy sản du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam để khai thác thủy sản mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật chưa có danh mục thiết bị khai thác thủy sản du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam đã được cấp phép hoặc không được cấp phép nên không có căn cứ pháp lý để xác định hành vi vi phạm theo quy định trên.

- Khoản 4, Điều 14 quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “sử dụng ngư cụ hoặc thiết bị khai thác thủy sản khác bị cấm sử dụng theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật chưa có danh mục về ngư cụ hoặc thiết bị khai thác thủy sản khác bị cấm sử dụng.

*** *Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bồi trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã***

- Mức phạt tiền trong lĩnh vực hành chính tu pháp (hoạt động quản lý hộ tịch, chứng thực) còn thấp nhưng hậu quả là rất lớn, gây nhiều chi phí tốn kém cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, với mức phạt thấp chưa có tính giáo dục, răn đe cao, dễ vi phạm, cụ thể Điều 28 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết hôn và môi giới kết hôn “Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn.”

- Khoản 1 Điều 27 Nghị định 110/2013/NĐ-CP quy định “Cảnh cáo đối với người có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em mà không thực hiện việc đăng ký đúng thời hạn quy định”. Việc quy định như trên là không khả thi và gây khó khăn cho địa phương do có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau, cụ thể:

+ Trên thực tế, đối với những trường hợp đăng ký khai sinh trễ hạn thì cán bộ Tư pháp – Hộ tịch chỉ nhắc nhở sau đó thực hiện thủ tục đăng ký để giữ gìn tình làng nghĩa xóm và vì đa số các trường hợp vi phạm không phải do lỗi cố ý.

+ Theo quy định khoản 1 Điều 25 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định người có trách nhiệm đăng ký khai sinh gồm có: cha, mẹ hoặc ông, bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em. Như vậy, theo quy định trên thì cán bộ tư pháp – Hộ tịch xã không thể xác định được đối tượng vi phạm và địa phương có hai cách hiểu:

• Nếu một trong những người được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Hộ tịch năm 2014 đến đăng ký khai sinh trễ hạn đều bị cảnh cáo.

• Dù ai đến đăng ký khai sinh đều cảnh cáo cha, mẹ của người được đăng ký. Trường hợp không còn cha, mẹ thì sẽ cảnh cáo đến ông, bà hoặc các đối tượng khác theo quy định.

- Điểm b, c Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

b) Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác;

c) Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ;”

Quy định trên còn quá chung chung, mang tính định tính, gây khó khăn cho địa phương trong việc áp dụng, cụ thể:

- Việc chứng minh hai người “chung sống như vợ chồng” Hiện nay, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 110/2013/NĐ-CP, Nghị định số 67/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn vẫn chưa có quy định chi tiết việc chứng minh hai người chung sống như vợ chồng. Bởi vì trên thực tế, người chồng hoặc người vợ hoặc cả người chồng và người vợ có quan hệ tình cảm với người khác mà không chung sống với nhau như vợ chồng với người đó, không có con chung, không tổ chức lễ cưới...

thì không thể xem xét đây là hành vi vi phạm pháp luật, nên không thể xử phạt vi phạm hành chính với hành vi này, mặc dù, đích thực đó là hành vi “ngoại tình”, là nguy cơ dẫn đến đỗ vỡ hạnh phúc gia đình.

- Theo quy định tại điểm c khoản 1 thì người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình “biết rõ” là đang có chồng, có vợ. Cụm từ “biết rõ” ở đây được hiểu là có nhìn thấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bạn bè thân thiết của vợ hoặc chồng, được bạn bè hoặc con cái, họ hàng của người vợ hay người chồng can ngăn. Tuy nhiên, khi sự việc được phát hiện người vi phạm thường nói rằng mình không hề biết là người mình đang sống chung đang có vợ, chồng.

Từ những phân tích trên cho thấy việc áp dụng quy định trên vào xử phạt vi phạm hành chính không mang tính khả thi.

*** Đổi với Nghị định số 119/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 41/2017/NĐ-CP**

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Nghị định số 119/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 39 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP thì “Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng mỗi chất cấm trong sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi.”

Theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BNNPTNT (có hiệu lực từ ngày 01/3/2017) thì Cysteamine là chất cấm dùng trong sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi.

Tuy nhiên, tại Nghị định số 41/2017/NĐ-CP và Thông tư số 01/2017/TT-BNNPTNT không có hướng dẫn cụ thể đối với việc xử lý những sản phẩm có chứa chất cấm Cysteamine được sản xuất trước ngày thông tư số 01/2017/TT-BNNPTNT có hiệu lực. Do đó, khi phát hiện các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi có chứa chất cấm Cysteamine được sản xuất trước ngày Thông tư số 01/2017/TT-BNNPTNT có hiệu lực thì không thể xử lý được.

*** Đổi với Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2017/NĐ-CP)**

- Tại Điều 3 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP có giải thích thuật ngữ “củi”, tuy nhiên hành vi liên quan đến củi lại không được quy định xử phạt cụ thể. Ngoài ra, thuật ngữ “sản phẩm chế biến từ gỗ” không được giải thích nên đã gây khó khăn cho cơ quan Kiểm lâm khi áp dụng xử lý các trường hợp liên quan đến sản phẩm chế biến từ gỗ.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra tình trạng người dân tự ý chặt cành, nhánh cây để tạo không gian trồng sản xuất nông nghiệp, hành vi này đã làm hạn chế sự sinh trưởng, phát triển của cây rừng. Tuy nhiên, do pháp luật không có quy định xử phạt nên địa phương chưa có biện pháp xử lý những trường hợp này.

*** Đổi với Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2015/NĐ-CP)**

Điều 11 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định:

“1. Đối với hành vi buôn bán hàng giả không có giá trị sử dụng, công dụng quy định tại điểm a, b, c và d khoản 8 Điều 3 Nghị định này, mức phạt tiền như sau:

...

e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.”

Theo quy định trên thì mức phạt tiền tối đa ở điểm e trùng với mức phạt tiền tối thiểu ở điểm g là 30.000.000 đồng. Quy định như trên gây khó khăn cho địa phương trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính và tạo nên sự không thống nhất trong quy định pháp luật.

* **Đối với Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài Chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

- Tại điểm d Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC quy định về mức chi cho báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật có quy định việc chi cho:

+ Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trình Chính phủ do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng: mức chi 12.000.000đ/báo cáo;

+ Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề: mức chi 5.000.000đ/báo cáo;

+ Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất: mức chi 3.000.000đ/báo cáo;

+ Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: mức chi 3.400.000đ/báo cáo;

+ Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở ban ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp: mức chi 1.700.000đ/báo cáo;

+ Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng ban ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp: mức chi 900.000đ/báo cáo.

Theo quy định trên thì có 02 nội dung mức chi về báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất không quy định rõ đối tượng áp dụng và cũng không nêu rõ các báo cáo này do cơ quan nào thực hiện. Do đó, địa phương đang có 02 cách hiểu như sau:

+ Một là: 02 mức chi trên chỉ áp dụng cho các Bộ, ngành ở Trung ương.

+ Hai là: 02 mức chi trên được áp dụng chung cho cả Bộ ngành ở Trung ương và địa phương (bao gồm Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh).

* *Đối với Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/12/2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính*

- Tại khoản 17 Điều 3 quy định: “....Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể về thẩm quyền và cách thức xác định các hồ sơ phúc tạp** tại Bộ, ngành, địa phương mình”.

Theo quy định trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành Quyết định quy định về thẩm quyền và cách thức xác định các hồ sơ phúc tạp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, hiện nay, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định thế nào là hồ sơ phúc tạp; tiêu chí quy định thẩm quyền xác định hồ sơ phúc tạp; tiêu chí xác định hồ sơ phúc tạp. Ngoài ra, quan điểm về việc xác định hồ sơ phúc tạp giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương chưa thống nhất.

- Cũng tại khoản 17 Điều 3 quy định: “*Chi hỗ trợ, cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ để nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức....*” nhưng tại điểm d khoản 2 Điều 4 quy định mức chi là “*Chi hỗ trợ, cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức....*” mà không có nội dung về “*hồ sơ để nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức*”.

* *Đối với Thông tư liên tịch số 61/2007/TTLT-BNN-BTC ngày 27/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động cơ quan kiểm tra các cấp*

Tại Điểm a, Khoản 2, Mục I quy định: “*Ngân sách Trung ương đảm bảo kinh phí in ấn, phát hành ấn chỉ xử phạt vi phạm hành chính*”. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 61/2007/TTLT-BNN-BTC không quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí nên Chi cục Kiểm lâm không có nguồn kinh phí in ấn mẫu biểu xử phạt vi phạm hành chính vì cơ quan tài chính địa phương không có cơ sở pháp lý để cấp kinh phí thực hiện.

* Hiện nay, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định: Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí,

vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí. Nhưng đến thời điểm hiện nay, Chính phủ chưa ban hành nghị định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực này nên khi kiểm tra phát hiện các cơ sở kinh doanh vi phạm nhưng không có cơ sở để xử phạt.

III. TÌNH HÌNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Tình hình chung

Nhìn chung, công tác thi hành pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác triển khai thực hiện luôn được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, công tác tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu cũng được tổ chức cho cán bộ cấp cơ sở. Đồng thời tình hình tổ chức thi hành biện pháp xử lý hành chính được các cơ quan chức năng phối hợp thực hiện khá chặt chẽ, đồng bộ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi lập hồ sơ đề nghị đến khi ra quyết định áp dụng.

2. Kết quả áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

- Số lượng đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: 369 đối tượng;
- Số lượng đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: 156 đối tượng;
- Số lượng đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị Tòa án áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 1.219 đối tượng;
- Số lượng đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án quyết định: 1.200 đối tượng.

3. Những khó khăn, vướng mắc

- Khoản 4a Điều 29 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP quy định “Trường hợp người được giáo dục sau khi đã chấp hành ít nhất $\frac{1}{2}$ thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tiến bộ, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thì bị xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 35a của Nghị định này”. Việc quy định điều kiện đối tượng phải chấp hành ít nhất $\frac{1}{2}$ thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tiến bộ, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thì địa phương mới được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là không phù hợp với tình hình thực tế. Bởi vì, một số trường hợp đối tượng chưa chấp hành được $\frac{1}{2}$ thời gian mà tiếp tục vi phạm thì địa phương cũng phải chờ đối tượng chấp hành được $\frac{1}{2}$ thời gian mới lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khó thực hiện.

- Theo quy định tại Điểm g Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP thì người nghiện ma túy thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì ngoài việc bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn còn phải lựa chọn hình thức cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay

thế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc tổ chức cho các đối tượng cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng không mang lại hiệu quả, có nguy cơ tái nghiện cao.

- Về đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP là đối tượng nghiện ma túy từ 18 tuổi trở lên. Quy định này là không phù hợp với thực tế. Bởi vì hiện nay, số lượng đối tượng nghiện ma túy chưa đủ 18 tuổi ngày càng gia tăng. Việc áp dụng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng đối với những đối tượng này không mang lại hiệu quả. Nếu chờ những đối tượng này đủ 18 tuổi mới đưa đi cai nghiện bắt buộc thì quá trễ, khả năng tái nghiện sẽ cao. Ngoài ra, việc không đưa đối tượng này đi cai nghiện bắt buộc kịp thời sẽ làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa bàn.

- Về tổ chức xã hội quản lý người không có nơi cư trú ổn định: Tại Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định giao cho tổ chức xã hội quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên hiện nay, Tây Ninh chưa xác định được tổ chức xã hội nào đủ điều kiện theo quy định pháp luật nên công tác quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gặp nhiều khó khăn.

- Về việc chuyển quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến các cơ quan có liên quan: Tại Điều 12 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định các hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đều phải chuyển Phòng Tư pháp huyện kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Nhưng Nghị định không quy định cơ quan Tòa án cùng cấp khi có Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì gửi cho Phòng Tư pháp để biết và theo dõi, báo cáo.

- Về việc đánh bút lục: Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 12 Nghị định 221/2013/NĐ-CP đều quy định việc “đánh bút lục” trong hồ sơ, nhưng hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể là “đánh bút lục” như thế nào.

4. Đề xuất, kiến nghị

Từ những khó khăn nêu trên, UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị với Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan một số nội dung sau:

4.1. Quốc hội

Sửa đổi quy định tại Điều 56, 61, 66, 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã phân tích tại tiêu mục 3.1 mục 3 phần II của Báo cáo.

4.2. Chính phủ

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các Nghị định số 103/2013/NĐ-CP; Nghị định số 110/2013/NĐ-CP; Nghị định số 119/2013/NĐ-CP; Nghị định số 157/2013/NĐ-CP; Nghị định số 185/2013/NĐ-CP; Nghị định số 111/2013/NĐ-CP; Nghị định số 56/2016/NĐ-CP; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP như đã phân tích tại tiêu mục 3.2. mục 3 phần II và mục 3 phần III của Báo cáo.

- Sớm ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Về kinh doanh khí.

- Sửa đổi Khoản 6 và Khoản 11 Điều 5 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ theo hướng “*tăng mức tiền phạt đối với hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở*” và “*tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe vĩnh viễn*”, vì trên thực tế nhiều tài xế sử dụng ma túy lái xe rất nguy hiểm và đã gây ra rất nhiều vụ tai nạn thương tâm, đau lòng.

4.3. Bộ Tư pháp

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung. Đặc biệt là lĩnh vực áp dụng biện pháp GDTXPTT và đưa vào CSCNBB.

- Sớm triển khai thực hiện hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PVP Nhung, Long;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

①

KÍ. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc